TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến;
2. Ông Huỳnh Hoàng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 845/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà PTN, sinh năm 1992; HKTT: Xóm TL, xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: XYZ khu phố ĐA 3, phường BH, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông PDK, sinh năm 1986; HKTT: Xóm TL, xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: XYZ khu phố ĐA 3, phường BH, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà PTN trình bày:

Bà PTN và ông PDK quen biết và tự tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thường Nga, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2012 ngày 20/12/2012.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, bà PTN yêu cầu được ly hôn với ông PDK.

Về con chung: Bà N và ông K có 02 người con chung tên PTBT, sinh ngày 06/01/2013 và PTQA, sinh ngày 06/11/2015. Sau ly hôn, bà PTN yêu cầu được trực

tiếp nuôi 02 người con chung, yêu cầu ông PDK phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng/con/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông PDK đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An có ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình, không mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa bà N và ông K là trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Hiện tại cháu T và cháu O đang sống cùng bà N, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó cần giao cháu T và cháu O cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà N yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/con/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi cho các con cần buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N; về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà PTN khởi kiện ly hôn, tranh chấp về con chung với ông PDK, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông PDK là bị đơn hiện đang cư trú tại phường Bình Hòa, thị xã Thuận An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông PDK đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà PTN và ông PDK quen biết và tự tìm hiểu nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2012 ngày 20/12/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của bà N, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình thay đổi, thường xuyên cãi vã, lâu dần làm cho cuộc sống hàng ngày căng thẳng, mệt mỏi, không có tiếng nói chung, dần dần mất tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình giải quyết vụ án, dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông K không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Về phía bà N, trong quá trình tố tụng xác định không còn tình cảm và không

thể tiếp tục chung sống với ông K. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông K nhằm tạo lên một gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy con và xây dựng kinh tế gia đình không đạt được, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà PTN và ông PDK là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể đoàn tụ để chung sống được nữa, nên trình bày của bà N về tình trạng vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm và xin được ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà N và ông K có sinh được 02 người con chung tên PTBT, sinh ngày 06/01/2013 và PTQA, sinh ngày 06/11/2015; tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà N yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Theo hợp đồng lao động và bảng thanh toán lương của bà N, hiện thu nhập hàng tháng của bà N là khoảng 12.000.000đ/tháng, bà N xác định có đủ khả năng để nuôi con. Qua xem xét nguyện vọng, điều kiện nuôi con của bà N, Tòa án nhận thấy bà N có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà N yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/con/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Để bảo đảm quyền lợi cho các con sau khi ly hôn, cần buộc ông K cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của bà N.

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của bà N và các con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà PTN phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông PDK phải chịu án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 68, 69, 70, 71, 72; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTN về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông PDK.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTN được ly hôn ông PDK.

- Về con chung: Giao con chung tên PTBT, sinh ngày 06/01/2013 và PTQA, sinh ngày 06/11/2015 cho bà PTN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc ông PDK phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tên PTBT, sinh ngày 06/01/2013 và PTQA, sinh ngày 06/11/2015 số tiền 1.000.000đ/con/tháng, thực hiện từ tháng 10/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà PTN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông PDK chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà PTN phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035522 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

Ông PDK phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã Thường Nga, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Quân